

*Thời gian : 18h15 - 06/11/2025 - Phòng : 508 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                      |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28206121597 | Trần Quế Anh         | 10/12/2004 | Quảng Ngãi | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28214101119 | Nguyễn Đắc Tuấn Anh  | 26/01/2004 | Thanh Hóa  | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28218250753 | Tạ Quang Bình        | 12/07/2003 | Quảng Nam  | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 27206300254 | Lê Phạm Chiêu Đan    | 01/09/2003 | Quảng Ngãi | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 28216654855 | Ngô Nhật Anh Đức     | 11/01/2004 | Hà Nội     | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 28204601060 | Nguyễn Thùy Dương    | 29/11/2004 | Quảng Ngãi | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28208153477 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên  | 25/03/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28208101004 | Nguyễn Phạm Diệu Hân | 29/07/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28208245578 | Trần Kim Hân         | 27/01/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28204636066 | Võ Thu Hiền          | 09/02/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28212354709 | Hồ Vũ Quang Huy      | 01/01/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28218200370 | Nguyễn Lâm Gia Kiệt  | 26/07/2004 | Quảng Nam  | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 28204802961 | Phạm Thị Thu Loan    | 08/10/2004 | Quảng Nam  | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28204600828 | Nguyễn Thị Xuân My   | 08/08/2004 | Quảng Ngãi | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 28204322650 | Phạm Thị Nguyên      | 19/11/2004 | Quảng Nam  | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 28208204821 | Trần Hồ Thiên Nguyên | 29/09/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28204553545 | Ngô Thị Như Quỳnh    | 25/10/2004 | Quảng Nam  | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 28208003696 | Phan Nguyễn Minh Sa  | 19/08/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 28208202235 | Nguyễn Hà Thu Thảo   | 10/06/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |       |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 06/11/2025 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN         | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                   |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28204504050 | Cao Thị Vĩnh Hiền | Trang     | 14/10/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |        |        |      |     |         |
| 2  | 28218300913 | Dương Ngọc        | Trí       | 03/01/2004 | Quảng Nam  | 31CBN8 |        |        |      |     |         |
| 3  | 28204505373 | Lê Phương         | Trúc      | 02/01/2004 | Quảng Nam  | 31CBN8 |        |        |      |     |         |
| 4  | 27203353106 | Nguyễn Thị Thảo   | Vy        | 16/10/2000 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |        |        |      |     |         |
| 5  | 28204500278 | Đinh Ngọc Tường   | Vy        | 23/01/2004 | Quảng Nam  | 31CBN8 |        |        |      |     |         |
| 6  | 28208205571 | Đàm Vương Nguyệt  | Yên       | 06/01/2004 | Đà Nẵng    | 31CBN8 |        |        |      |     |         |
| 7  | 28208200774 | Trần Thị Minh     | Anh       | 04/12/2004 | Bình Định  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 8  | 28214552879 | Nguyễn Trường     | Giang     | 09/11/2004 | Quảng Trị  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 9  | 29204455077 | Nguyễn Khánh      | Giang     | 15/05/2005 | Đà Nẵng    | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 10 | 28209446141 | Nguyễn Thị Thanh  | Hằng      | 11/12/2004 | Bình Định  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 11 | 28208201156 | Tổng Thị Mỹ       | Lệ        | 10/01/2004 | Bình Định  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 12 | 28207247210 | Nguyễn Thị Diễm   | Ly        | 17/06/2003 | Gia Lai    | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 13 | 28204822751 | Nguyễn Hạ         | My        | 18/11/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 14 | 28208201878 | Đặng Thị My       | My        | 21/02/2004 | Quảng Ngãi | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 15 | 28208054729 | Nguyễn Thị Việt   | Ngân      | 09/02/2004 | Phú Yên    | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 16 | 28204405245 | Trần Thị Bích     | Ngọc      | 14/04/2004 | Đắk Lắk    | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 17 | 28204154940 | Võ Thị Thu        | Nguyên    | 29/10/2004 | Đà Nẵng    | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 18 | 28204602765 | Nguyễn Ngọc       | Nhi       | 23/07/2004 | Quảng Trị  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 19 | 28208005760 | Nguyễn Thị Phương | Nhi       | 04/02/2004 | Quảng Trị  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 20 | 28204604412 | Võ Thị Lệ         | Quyên     | 20/12/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 21 | 28208026109 | Trần Nguyễn Thanh | Tâm       | 01/09/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6 |        |        |      |     |         |
| 22 | 28204606714 | Dương Quỳnh       | Thư       | 06/02/2004 | Đà Nẵng    | 31SYC6 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 06/11/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT   | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|---------------------|-----------|------------|------------|---------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                     |           |            |            |         |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28205102580 | Lê Thị Anh          | Thư       | 04/05/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6  |        |        |      |     |          |
| 2  | 28207103209 | Vũ Thị Thu          | Thúy      | 26/05/2004 | Bình Phước | 31SYC6  |        |        |      |     |          |
| 3  | 28204850602 | Nguyễn Lê Ngọc      | Trang     | 20/05/2004 | Đắk Lắk    | 31SYC6  |        |        |      |     |          |
| 4  | 28206725679 | Trần Thị Thùy       | Trang     | 06/05/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6  |        |        |      |     |          |
| 5  | 28208142242 | Trần Thị Thùy       | Trang     | 22/01/2004 | Đà Nẵng    | 31SYC6  |        |        |      |     |          |
| 6  | 28209424381 | Nguyễn Thị Minh     | Trường    | 06/03/2004 | Khánh Hòa  | 31SYC6  |        |        |      |     |          |
| 7  | 28208202598 | Phan Thị Thu        | Tuyền     | 20/08/2004 | Đà Nẵng    | 31SYC6  |        |        |      |     |          |
| 8  | 28209445558 | Trần Thị Phương     | Tuyền     | 10/05/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6  |        |        |      |     |          |
| 9  | 28208101888 | Nguyễn Thị Vân      | Anh       | 30/11/2003 | Đắk Lắk    | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208053167 | Phan Thị Minh       | Ánh       | 21/04/2004 | Đắk Lắk    | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 11 | 28208102706 | Nguyễn Ngọc Minh    | Châu      | 21/02/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 12 | 28214600396 | Trần Thành          | Đạt       | 24/01/2004 | Quảng Trị  | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 13 | 28204322931 | Nguyễn Phan Thị Trà | Giang     | 23/11/2004 | Đắk Lắk    | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 14 | 28204604790 | Phan Thị Ngọc       | Hằng      | 05/04/2004 | Hà Tĩnh    | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 15 | 28204639013 | Trương Thị Thanh    | Hằng      | 01/02/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 16 | 28214600749 | Trương Văn          | Hiên      | 17/01/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 17 | 28204951257 | Nguyễn Thị Mỹ       | Hiên      | 10/07/2004 | Khánh Hòa  | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 18 | 28205149987 | Nguyễn Thị Thanh    | Hoài      | 04/11/2004 | Đắk Lắk    | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 19 | 29219323285 | Nguyễn Huy          | Hoàng     | 01/10/2005 | Quảng Trị  | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 20 | 28218150818 | Nguyễn Gia          | Huy       | 30/06/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 21 | 28208105513 | Nguyễn Thị Phương   | Lan       | 10/08/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 22 | 28218131517 | Nguyễn Hoàng        | Lân       | 14/05/2004 | Đà Nẵng    | 31TBN13 |        |        |      |     |          |
| 23 | 28205245615 | Nguyễn Anh          | Thư       | 09/05/2004 | Đà Nẵng    | 31TBN11 |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 06/11/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|-----------------------|------------|------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                       |            |            |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28204650659 | Nguyễn Thị Thùy Linh  | 28/07/2004 | Đà Nẵng    | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28204303333 | Nguyễn Thị Diệu Ly    | 01/01/2004 | Huế        | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 29214659015 | Hà Công Minh          | 06/01/2005 | Gia Lai    | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 29206221348 | H Phon Mlô            | 20/01/2004 | Đắk Lắk    | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28207102728 | Lê Trần Huyền My      | 01/01/2004 | Đắk Nông   | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 29206254332 | Trần Thị Trà My       | 01/05/2005 | Kon Tum    | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28207105121 | Nguyễn Thị Thanh Nga  | 21/01/2004 | Bình Định  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28214603395 | Lê Ích Nhân           | 03/08/2004 | Huế        | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28218143216 | Phạm Đình Nhật        | 01/04/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208105827 | Văn Thị Kim Nhung     | 14/09/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28208101682 | Dương Thị Hồng Phấn   | 10/03/2004 | Bình Định  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28214505828 | Mai Thành Phát        | 17/08/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28208002645 | Võ Thị Lệ Quyên       | 10/08/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28204900508 | Trần Hoài Sương       | 20/05/2004 | Quảng Bình | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 27211539649 | Huỳnh Đức Thạch       | 02/06/2003 | Quảng Nam  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28207103645 | Nguyễn Phan Hiền Thục | 15/11/2004 | Quảng Trị  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28208100383 | Trương Thị Thanh Thúy | 29/08/2004 | Quảng Ngãi | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 28208147015 | Nguyễn Thị Diễm Thúy  | 30/11/2004 | Quảng Nam  | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 30204938175 | Võ Đào Bảo Trâm       | 21/10/2006 | Đà Nẵng    | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 28208154662 | Đinh Thị Thùy Trang   | 02/08/2004 | Đà Nẵng    | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 21 | 29208042247 | Võ Thị Thúy Vy        | 12/09/2005 | Gia Lai    | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 22 | 0396304831  | Bùi Thị Yên           | 04/03/2007 | Đà Nẵng    | 31TBN13 |       |        |        |      |     |          |
| 23 | 29205241164 | Phan Mạnh Kim Huyền   | 18/11/2005 | Kon Tum    | 31TYC10 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 24 | 27203730787 | Đoàn Thị Thanh        | 29/10/2003 | Quảng Bình | 31TYC10 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**